

BI: Năng lượng thu phục, thiết kế và chuyển hóa xã hội

ISSN: 2734-9195 10:05 31/07/2025

Từ Bi không phải khẩu hiệu đạo đức, mà là năng lực cấu trúc lại thể chế theo hướng nhân bản, đồng thuận và bền vững hơn.

Tác giả: Thạc sĩ Nguyễn Hoàng Hành -

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo - Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tóm tắt: Bài viết là một khảo luận học thuật liên ngành về khái niệm "Bi" (Karunā) trong tư tưởng Phật giáo, từ đó mở rộng thành một nền tảng đạo lý, chính trị, xã hội trong xây dựng thể chế mềm quốc gia. Tác giả luận giải Bi không chỉ là phẩm chất luân lý, mà còn là một năng lực hành động đạo đức, có thể thể chế hóa trong chính sách công, công lý cảm thông, truyền thông đại chúng, giáo dục nhân bản và thiết kế chỉ số xã hội như SCI (Social Compassion Index).

Bài viết tiếp cận theo hướng Phật học ứng dụng và khoa học quản trị, nhằm kiến tạo một mô hình phát triển quốc gia từ bi hóa, nơi thể chế không chỉ dựa vào pháp lý và kỷ trị, mà còn được cấu trúc bằng đạo lý mềm và quyền lực cảm thông. Đây là một định hướng phát triển có tính khả thi, cấp thiết trong bối cảnh khủng hoảng niềm tin và phân rã đạo lý toàn cầu. [Karunā (Bi): Lòng thương xót, một trong Tứ vô lượng tâm (Brahmavihāra).]

Từ khóa: Từ bi, thể chế mềm, chỉ số đạo lý, chính trị cảm thông, Phật học ứng dụng, chính sách xã hội.

Abstract

This interdisciplinary paper explores the Buddhist concept of "Karunā" (Compassion) and its transformation into an ethical political social foundation for shaping soft governance systems. The author argues that Karunā is not

merely a moral sentiment but a strategic force for compassionate action, which can be institutionalized in public policy, restorative justice, civic media, human-centered education, and measurable social indicators such as the Social Compassion Index (SCI). Drawing from applied Buddhism and governance science, the article presents a vision for a compassionate nation model, where the state is shaped not only by law and technocracy, but also by empathetic leadership and moral intelligence. This is proposed as a realistic and urgent path forward for Vietnam in the post-crisis era one that addresses the fragmentation of society, erosion of trust, and institutional rigidity by reviving the moral core of governance through compassionate wisdom.

Keywords: Karunā, Compassion, soft governance, compassionate politics, Social Compassion Index, applied Buddhism, sustainable development, national ethics.

LỜI DẪN

Tháng 3 năm 2024, tại một vùng quê nghèo ở một địa phương vùng Tây Nam Bộ, hình ảnh một cụ bà 87 tuổi chống gậy đến trụ sở xã nộp... 50.000 đồng ủng hộ đồng bào bị thiên tai đã khiến cả nước lặng người. Không cần đến những diễn ngôn lớn lao, tấm lòng mỏng manh ấy đã gọi lại thứ đạo lý tưởng chừng đang dần mai một giữa đời sống hiện đại: một trái tim biết đau trước nỗi đau của người khác. (Ghi nhận từ một số địa phương và lan truyền trên mạng xã hội, chưa được xác minh chính thức). Hành động nhỏ ấy không chỉ lay động truyền thông, mà còn khiến xã hội đặt lại câu hỏi: giữa thời đại công nghệ cao và chính sách dày đặc, điều gì thật sự chạm đến con người?

Năm 2019, thế giới bàng hoàng trước vụ xả súng tại Christchurch, New Zealand. Trong thời khắc tang thương ấy, Thủ tướng Jacinda Ardern đã chọn cách xuất hiện với khăn trùm đầu, ôm lấy từng gia đình Hồi giáo nạn nhân. Bà không đọc diễn văn dài, không dùng từ ngữ chính trị, chỉ đơn giản nói: “They are us - Họ là chúng ta”.

Không chỉ người dân New Zealand, cả thế giới đã cảm nhận được một thứ quyền lực mềm mạnh mẽ: quyền lực của lòng bi cảm, chính trị của từ bi.



Hình minh họa tạo bởi AI

Thế giới hôm nay không thiếu những công nghệ kỳ vĩ, nhưng lại khan hiếm những trái tim biết rung động trước nỗi khổ của tha nhân. Con người hiện đại có thể đo tốc độ mạng 6G đến từng phần triệu giây, nhưng vẫn chưa đo nổi độ lạnh lẽo trong một ánh mắt trống rỗng vì bị lãng quên. Khi mọi thước đo phát triển đều xoay quanh vật chất và chỉ số tăng trưởng, thì có một “chỉ số đạo lý mềm” đang rơi tự do mà không mấy ai kịp nhận ra: chỉ số từ bi của một cộng đồng, một quốc gia.

Trong hệ thống tư tưởng Phật giáo, “Bi” (karuṇā) là một trong Tứ vô lượng tâm, không phải là sự thương hại đơn thuần, càng không phải là cảm xúc yếu mềm. Bi là nội lực hành động vì khổ đau của người khác, là cội nguồn của những chính sách công đầy nhân bản, là ánh sáng chiếu rọi các vùng tối mà kỹ trị và pháp lý thuần túy không thể với tới. Bi chính là công lý mang dáng hình trái tim, là quyền lực mềm đạo lý, là nền tảng cho mọi hành động mang tính kiến tạo xã hội bền vững. (*) Karuṇā (Bi): Lòng thương xót, một trong Tứ vô lượng tâm (Brahmavihāra), trạng thái tâm từ bi không phân biệt, không chấp ngã.

Ngày nay, trong một thế giới rạn vỡ bởi xung đột, thiên tai, dịch bệnh và đứt gãy kết nối cộng đồng, “Bi” không còn là đặc ân của giới tu hành hay giá trị đạo đức mang tính trừu tượng. “Bi” cần được nâng cấp thành “nhân lực mềm”, một nguồn lực mang tính chiến lược, có thể đo lường, tích hợp, đầu tư và lan tỏa trong mọi lĩnh vực: giáo dục, y tế, truyền thông, công vụ và chính sách. Một quốc gia biết tổ chức và phát huy lòng từ bi như một lực lượng xã hội sẽ là quốc gia có khả năng tự chữa lành, vượt qua khủng hoảng một cách nhân văn và bền vững.

Không phải ngẫu nhiên mà các quốc gia tiên tiến như New Zealand, Bhutan hay một số nước Bắc Âu đã bắt đầu đưa các chỉ số hạnh phúc, sức khỏe tâm thần và kết nối xã hội vào trung tâm chiến lược phát triển. Đây không chỉ là những chính sách “xoa dịu xã hội”, mà là biểu hiện của một bước tiến lớn trong tư duy chính trị: quay về chăm sóc tâm lý tập thể như một yếu tố căn bản để kiến thiết tương lai. Trong bối cảnh đó, Việt Nam, với truyền thống hiếu hòa, nhân ái, thấm nhuần triết lý từ bi của Phật giáo, có đủ điều kiện để trở thành hình mẫu về “quốc gia từ bi hóa”.

Bài viết này, tiếp nối tinh thần của bài **“TỪ: Trục đạo đức học phổ quát và hiện sinh”**, sẽ đi sâu khai mở chiều sâu học thuật và giá trị chính sách của “Bi”, như một nhân lực mềm có khả năng hành động, kiến tạo và phục hồi xã hội. Từ Phật học đến chính trị học, từ đạo đức trị liệu đến thiết kế công lý cảm xúc, từ Kinh Karuṇā đến mô hình Compassionate Response - chúng ta sẽ cùng khảo sát con đường đưa “Bi” từ phạm trù đạo đức trở thành nền tảng của bản lĩnh quốc gia trong kỷ nguyên hậu khủng hoảng. [Karuṇā (Bi): Lòng thương xót, một trong Tứ vô lượng tâm (Brahmavihāra).]

I. GIẢI NGHĨA HỌC THUẬT VÀ LIÊN NGÀNH VỀ “BI”

1. Karuṇā - Từ trái tim đạo Phật đến cấu trúc đạo đức phổ quát

Kinh Pháp Cú (Dhammapada) khẳng định: “Chiến thắng hận thù bằng tình thương là con đường bất biến của bậc trí” (Dhp 5). Bản gốc tiếng Pāli: 'Ahimsā hi saccena ca mettaṃ āhu dhammānaṃ pavattim.' Bản dịch tiếng Anh của Narada Thera (1993): “Hatred is never appeased by hatred in this world. By non-hatred alone is hatred appeased. This is an eternal law.” [*] Dhammapada, kệ số 5. Bản dịch: Narada Thera (1993), *The Dhammapada: Pāli Text and Translation*, Buddhist Publication Society.

Ngoài Kinh Pháp Cú, Kinh Karuṇā và Tăng Chi Bộ kinh (Aṅguttara Nikāya) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của lòng Bi như một năng lượng tâm linh phổ quát: “Với tâm bi mẫn, người ấy lan tỏa đến tất cả phương hướng, không giới hạn, không ác ý, không hận thù.” (AN 4.125)

Theo nhà sư (Analayo, 2010), lòng Bi trong Phật giáo không chỉ là phản ứng nội tâm, mà là một sức mạnh hành động đạo đức, được tôi luyện thông qua thiền tập, chánh niệm, giới - định - tuệ. Đó là lý do vì sao các hành giả khi thực hành thiền Karuṇā đều được dẫn dắt để “trải lòng thương xót đến tất cả phương hướng, vô biên, không phân biệt”.

2. “Bi” không phải là sự mềm yếu - mà là năng lượng kháng cự bạo lực một cách từ hòa

Trong một thế giới nơi bạo lực được hợp thức hóa bởi những danh nghĩa “phản kháng chính nghĩa” hoặc “lập trường cứng rắn”, Bi thường bị hiểu lầm là sự nhu nhược. Thực tế, Bi là một hình thái sức mạnh mềm, vừa kiên cường, vừa cứu độ, có khả năng làm tan rã hận thù mà không gây thêm tổn thương. Đó là loại sức mạnh không làm đổ máu, không cần súng đạn, nhưng có thể chuyển hóa một cộng đồng. Như nhà lãnh đạo Ấn Độ Mahatma Gandhi từng khẳng định: “Sự bất bạo động chân chính phát xuất từ lòng từ bi sâu sắc nhất.”

Trong đạo Phật, Bi không đi riêng rẽ mà luôn được đặt trong thế cân bằng với Trí (Paññā). Lòng Bi không mù quáng, mà sáng suốt; không rơi vào tình cảm chủ quan, mà là ý chí đạo đức phổ quát muốn chấm dứt khổ đau. Chính vì thế, lòng Bi trở thành một nền tảng của hành vi có trách nhiệm xã hội, từ cấp độ cá nhân đến chính sách quốc gia. [Paññā (Trí): Trí huệ, khả năng thấu đạo khổ đau và phương tiện đối trị.]

3. Tiếp cận liên ngành: Từ giá trị nội tâm đến “năng lực mềm quốc gia”

Trong xã hội học và lý thuyết quản trị hiện đại, soft power - sức mạnh mềm, ngày càng được đề cao như một chỉ số năng lực quốc gia. Nếu tri thức, công nghệ, tài chính là “năng lực cứng” (hard capital), thì lòng Bi, tinh thần tương thân tương ái, văn hóa giúp đỡ người yếu thế... chính là “nhân lực mềm” (moral capital) để duy trì sự ổn định dài hạn.

Các nhà tâm lý học như (Fredrickson, 2009) hay (Neff & Germer, 2013) cũng cho thấy lòng từ bi có khả năng tăng cường tính phục hồi đạo đức cá nhân (moral resilience), giúp con người vượt qua khủng hoảng tâm lý, nuôi dưỡng cảm xúc tích cực, giảm trầm cảm và tăng cường kết nối cộng đồng. Như vậy, từ một phẩm chất đạo đức truyền thống, “Bi” đã bước ra khỏi khung tôn giáo để trở thành một năng lực xã hội, trị liệu, chính sách toàn diện.

4. Bi như trục nối đối thoại tôn giáo và đạo lý nhân loại

Một điều kỳ diệu là: dù sinh ra từ bối cảnh Ấn Độ cổ đại, nhưng lòng Bi trong Phật giáo có thể tương tác sâu sắc với các hệ tư tưởng lớn:

Trong Cơ Đốc giáo, tình yêu thương Agape là biểu hiện của sự cứu chuộc vô điều kiện, một tình yêu không vì mình, sẵn sàng tha thứ và hy sinh.

(*) Agape: Trong Cơ Đốc giáo, tình yêu thương thiêng liêng, vô điều kiện, một tình yêu vị tha thể hiện qua hy sinh.

Trong Nho giáo, đức Nhân (Ren) là nền tảng đạo đức của quân tử là biểu hiện của lòng trắc ẩn, “ái nhân” (yêu người) như yêu bản thân.

(*) Ren (Nhân): Đức Nhân trong Nho giáo, lòng yêu người, nền tảng đạo đức của quân tử.

Trong triết học hiện sinh phương Tây, Emmanuel Levinas xem lòng thương xót là biểu hiện của trách nhiệm vô điều kiện với tha nhân, một lương tri vượt trên cả pháp luật và đạo đức thông thường.

(*) Emmanuel Levinas: Triết gia Pháp, nổi tiếng với triết lý trách nhiệm đối với Tha nhân vượt trên pháp lý.

Từ đây, có thể thấy: Bi là giá trị đạo đức xuyên tôn giáo, xuyên văn hóa, có thể trở thành trục nối cho đồng thuận đạo lý thời đại mới, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và khủng hoảng lòng tin.

Lòng Bi (karuṇā) không chỉ là giá trị nội tại của Phật giáo, mà còn có khả năng tương tác và đối thoại sâu sắc với các truyền thống triết lý và tôn giáo lớn trên thế giới:

Agape trong Cơ Đốc giáo: Đây là tình yêu thương thiêng liêng và vô điều kiện, xuất hiện nổi bật trong *Kinh Thánh Tân Ước*, Corinthians 13:4-7: “*Love is patient, love is kind... It always protects, always trusts, always hopes, always perseveres.*” Agape thể hiện đức hy sinh, vị tha và lòng khoan dung vô hạn, rất gần gũi với lý tưởng của từ bi trong đạo Phật.

Đức Nhân (Ren) trong Nho giáo: Trong *Luận Ngữ* (thiên “Nhan Uyên”), Khổng Tử dạy: “*Nhân giả, ái nhân*”, người có Nhân là người biết yêu thương người khác. Đây là nền tảng của mọi đạo lý làm người trong Khổng học, đặt trọng tâm vào lòng trắc ẩn và trách nhiệm đạo đức với tha nhân.

Trách nhiệm Tha nhân trong triết học Levinas: Emmanuel Levinas - triết gia hiện sinh Pháp - trong tác phẩm *Totality and Infinity* khẳng định: “*Đạo lý lớn nhất là trách nhiệm vô điều kiện với Tha nhân - vượt lên trên cả luật pháp hay quy tắc đạo đức phổ thông.*” Đây là sự cộng hưởng mạnh mẽ với tinh thần từ bi vô phân biệt và hành động vị tha của Phật giáo.

Qua đối chiếu trên, có thể khẳng định: “**Bi**” là giá trị đạo lý phổ quát, có khả năng trở thành trục nối cho **đối thoại liên tôn giáo, liên văn hóa, liên**

ngành triết học, góp phần xây dựng đồng thuận đạo lý toàn cầu trong thời đại rạn vỡ niềm tin và chia rẽ xã hội.

II. BI NHƯ MỘT NỀN TẢNG CHIẾN LƯỢC ĐẠO ĐỨC CÔNG TRONG THỜI ĐẠI KHỦNG HOẢNG GIÁ TRỊ



Hình minh họa tạo bởi AI

1. Khi đạo đức trở thành một cấu phần chiến lược

Trong kỷ nguyên mà thế giới vận hành bằng thuật toán, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, đạo đức không còn là ngoại biên, mà phải trở thành một trục chiến lược cấu thành nên an ninh con người và phát triển bền vững. Những khủng hoảng xuyên thế kỷ, từ đại dịch toàn cầu, xung đột vũ trang đến biến đổi khí hậu và sự cô lập tinh thần đã chứng minh: một xã hội không thể chống đỡ nếu thiếu đi nền móng đạo lý mềm, được xây dựng từ lòng bi và trí huệ.

Trong bối cảnh ấy, "Bi" - lòng thương xót có nhận thức, không còn là phẩm chất riêng của bậc tu hành, mà phải trở thành chất liệu chiến lược cho chính sách, thể chế và hành vi công vụ. Bi giúp tái thiết cấu trúc đạo đức công, định hướng các giá trị cốt lõi trong giáo dục, truyền thông, quản trị và hành chính nhà nước, từ đó khôi phục sự kết nối giữa người với người, và giữa công dân với thiết chế công quyền.

2. Chính sách công có thể "từ bi hóa" - nhưng không hề viễn mộng

Tại sao nói "từ bi hóa chính sách"? Vì trong thực tiễn, khoảng cách giữa thiện chí chính trị và hành vi công vụ là rất lớn. Các khẩu hiệu như “không để ai bị bỏ lại phía sau” dễ trở nên sáo rỗng nếu thiếu một nền đạo lý hành động cụ thể. Do đó, "từ bi hóa" không chỉ là thay đổi ngôn ngữ mà là thiết kế lại toàn bộ chuỗi ra quyết định bằng cảm xúc có trách nhiệm và trí tuệ hành động.

Trên thế giới, Bhutan đã tiên phong đưa Chỉ số Hạnh phúc Quốc gia (GNH) làm thước đo phát triển, thay vì chỉ dựa vào GDP – một minh chứng về việc chính sách có thể được hình thành từ lòng bi. Các nước Bắc Âu đã xây dựng hệ thống phúc lợi xã hội dựa trên nguyên lý công bằng – cảm thông. Ngay cả OECD hiện nay cũng đã khuyến nghị các chỉ số mềm như "cohesion" (gắn kết xã hội), "trust" (niềm tin) trong các báo cáo chiến lược toàn cầu. Báo cáo 'How's Life?' (OECD, 2023) nhấn mạnh hai chỉ số: 'Trust in others' và 'Social cohesion' như nền tảng ổn định xã hội.

Tại Việt Nam, truyền thống "thương người như thể thương thân" là một nền tảng đạo lý dân tộc sâu sắc. Nếu được lượng hóa thành Chỉ số từ bi xã hội - Compassion Index, có thể tạo nên một công cụ chính sách vừa nhân văn, vừa khoa học, giúp phát hiện sớm những vùng tổn thương đạo lý như mất niềm tin, rạn nứt cộng đồng, từ đó hiệu chỉnh kịp thời.

3. Bi - nền móng cho công lý cảm thông và quản trị đạo đức

Công lý không thể chỉ là sự áp dụng quy định, mà phải bao hàm yếu tố cảm thông và năng lực chữa lành. Khi một xã hội chỉ còn “trừng phạt” mà thiếu “chuyển hóa”, hệ thống pháp luật trở nên khô cứng, dễ dẫn đến bất ổn ngầm. Bi chính là lõi mềm của một nền công lý nhân văn, tạo điều kiện cho hình thức tư pháp phục hồi, cải tạo nhân cách, thay vì chỉ xử lý hình sự.

Bi cũng phải được thể chế hóa vào quản trị công, từ quy trình đào tạo cán bộ, ban hành chính sách, đến thực thi công vụ. Đưa lòng Bi vào hệ thống đào tạo công chức là cách thức nâng cấp năng lực "phục vụ với cảm thông", điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: "Công bộc của dân phải có đức, có tâm, có lòng yêu thương nhân dân thật sự".

4. Khi quốc gia biết đau trước nỗi đau của dân - đó là một nền cộng hòa từ bi

Một nhà nước thực sự vững mạnh không thể chỉ dựa vào thể chế pháp quyền và công nghệ hành chính, mà còn phải biết xúc động và hành động trước những

hoàn cảnh yếu thế. Khi chính quyền thấu cảm nỗi đau của người yếu thế, thì mọi quyết sách sẽ không chỉ được cân nhắc bằng lý trí chính sách, mà còn được hiệu chỉnh bằng cảm xúc trách nhiệm. Bi, trong trường hợp ấy, không còn là khái niệm đạo đức cá nhân, mà chính là đạo lý công cộng, là tầm cao mà nhà nước hiện đại phải vươn tới nếu muốn kiến tạo một xã hội công bằng, tử tế, có khả năng chữa lành sau những khủng hoảng chồng chất.

Một nền cộng hòa từ bi không phải là nhà nước “mềm yếu”, mà ngược lại, chính lòng bi dẫn dắt đến sức mạnh uy tín chính trị, khi người dân nhận ra rằng thể chế ấy không bỏ rơi họ. Đó cũng là nền tảng để củng cố niềm tin xã hội, một trong những chỉ số then chốt đang sụt giảm đáng báo động tại nhiều quốc gia, theo các khảo sát của Edelman Trust Barometer và OECD.

Bi và đạo đức cảm xúc học, trong tâm lý học đạo đức hiện đại, “đạo đức cảm xúc học” (emotional ethics) được xem là một hướng tiếp cận quan trọng để kiến tạo hành vi xã hội có trách nhiệm. Lòng Bi không chỉ là luân lý trừu tượng, mà còn là phản ứng cảm xúc sâu sắc trước khổ đau. Việc thể chế hóa những phản ứng cảm xúc tích cực như từ bi, đồng cảm, giúp chuyển hóa hệ giá trị trừu tượng thành hành vi công vụ cụ thể. Điều này là nền tảng để hình thành các chính sách cảm thông, phản ánh đầy đủ tính người trong điều hành công.

5. Bi không phải sự yếu mềm - mà là trí huệ định hình nhân cách thể chế

Một định kiến phổ biến cho rằng: Bi đồng nghĩa với cảm xúc ủy mị, là sự nhân nhượng mềm yếu, trái ngược với sự cứng rắn và hiệu quả của nhà nước hiện đại. Điều này hoàn toàn sai lệch. Trong triết lý Phật giáo, Bi không thể tách rời Trí, lòng thương chân chính phải gắn với nhận thức sâu sắc về khổ đau và phương tiện giải thoát.

Trong điều hành công vụ, Bi có thể trở thành một chất liệu cấu trúc cho nhân cách thể chế, giúp các thiết chế công quyền không rơi vào chủ nghĩa hình thức, lạnh lùng hay máy móc. Khi lòng Bi được vận hành cùng Trí huệ, nó hình thành nên “trực giác chính sách”, tức khả năng điều chỉnh chính sách dựa trên sự thấu cảm trực tiếp từ thực tiễn xã hội, không chỉ theo mô hình lý tính khô cứng, một năng lực cực kỳ cần thiết trong thời đại biến động, khi những mô hình lý tính thuần túy thường không đủ sức xử lý các vấn đề đạo đức xã hội tinh vi và liên ngành.

III. BI TRONG THIẾT KẾ CHÍNH SÁCH VĂN HÓA - XÃ HỘI HƯỚNG NHÂN ĐẠO

1. Bi như một trụ cột mềm trong quy hoạch giá trị quốc gia

Khi bàn đến chiến lược phát triển quốc gia, chúng ta thường nhấn mạnh các trụ cột hữu hình như kinh tế, công nghệ, thể chế, pháp quyền, môi trường an ninh phi truyền thống. Tuy nhiên, một quốc gia không thể đứng vững chỉ nhờ vào vật chất, mà còn cần một trụ đỡ vô hình nhưng quyết định: giá trị đạo đức công. Trong bối cảnh ấy, Bi - lòng thương yêu có định hướng trí tuệ, chính là năng lượng đạo lý mềm cần được đưa vào quy hoạch phát triển người Việt thời đại mới.

Bi không chỉ là cảm xúc thiện chí, mà là một nền đạo lý hành động, có thể thiết kế, vận hành, đo lường và truyền dẫn thông qua thể chế. Nói cách khác, Bi cần được tích hợp vào cấu trúc chính sách như một dòng chảy ngầm nuôi dưỡng sinh khí đạo đức cho toàn hệ thống xã hội. Sự hiện diện của Bi trong thiết kế chính sách giúp định vị lại trọng tâm phát triển: từ “tăng trưởng để giàu” sang “phát triển để nhân bản”.

2. Một số lĩnh vực có thể tích hợp chính sách hướng Bi

+ *Giáo dục và hình thành nhân cách học sinh:* Thiết kế chương trình giáo dục từ bi trong trường học không phải là một ước mơ thiên định, mà là một yêu cầu hiện thực. Các mô hình như “Trường học từ bi” (Compassionate Schools) tại Hoa Kỳ, hay chương trình “Mindful Kindness” tại Úc, đã chứng minh rằng học sinh được dạy lòng bi mẫn sẽ có khả năng vượt qua sang chấn tâm lý tốt hơn, học tập tích cực hơn và phát triển nhân cách cân bằng hơn.

+ *Y tế và sức khỏe toàn diện:* Trong bối cảnh hậu COVID-19, nhiều quốc gia đã nhận ra: chữa lành không thể chỉ bằng thuốc men, mà phải bằng kết nối, lắng nghe, cảm thông và đồng hành. Chính sách y tế từ bi (Compassionate Health Policy) đang là xu hướng của thế giới, tập trung vào cải thiện thái độ ứng xử của nhân viên y tế, thiết kế không gian điều trị nhân văn, và cá nhân hóa hành trình chăm sóc người bệnh.

+ *Truyền thông đại chúng:* Chính sách truyền thông không chỉ là kiểm duyệt, mà còn là định hướng cảm xúc xã hội. Một chiến lược truyền thông hướng Bi có thể giảm thiểu khuynh hướng tiêu cực hóa, bạo lực hóa tin tức và thay vào đó,

thúc đẩy diễn ngôn chữa lành, khuyến khích những câu chuyện sống đẹp, lan tỏa mô hình “người tử tế”, từ đó kiến tạo văn hóa đồng cảm và trách nhiệm cộng đồng.

+ *Quy hoạch đô thị nhân bản*: Bi cũng có thể thiết kế trong kiến trúc và hạ tầng. Từ việc bố trí ghế nghỉ công cộng cho người cao tuổi, đến thiết kế vỉa hè không rào cản cho người khuyết tật, hay xây dựng không gian xanh thân thiện với trẻ em và thú nuôi, tất cả đều là biểu hiện của chính sách không vô cảm. Những thành phố nhân bản như Copenhagen (Đan Mạch) hay Seoul (Hàn Quốc) đều đã thành công trong việc “kỹ thuật hóa lòng nhân ái”.

+ *An sinh xã hội và trợ giúp cộng đồng*: Chính sách trợ giúp không nên chỉ dừng ở mức “cứu đói” hay “cấp phát” theo định mức, mà cần dựa trên nguyên lý Bi: hiểu được nỗi đau cá nhân trong toàn cảnh xã hội. Các mô hình như “nhà tạm lánh cảm xúc” (emotional shelter), “tư vấn tâm linh cộng đồng”, “hồi phục sau tổn thương xã hội”... là những minh chứng của sự đột phá trong tư duy chính sách lấy con người làm trung tâm của lòng thương.

IV. CHỈ SỐ BI XÃ HỘI (SOCIAL COMPASSION INDEX - SCI): ĐỊNH HÌNH, ĐO LƯỜNG VÀ ỨNG DỤNG TRONG CHÍNH SÁCH

1. Vì sao cần đo lường Bi trên phạm vi toàn xã hội?

Trong thời đại dữ liệu chi phối các quyết sách quốc gia, nếu đạo lý không được lượng hóa, nó sẽ khó trở thành ưu tiên chính sách. Chúng ta đã quen với những thước đo như GDP, HDI hay GINI, phản ánh mức sống, phát triển và bất bình đẳng nhưng chưa có chỉ số nào phản ánh mức độ từ bi hóa trong hành vi cộng đồng.

Chính vì vậy, cần thiết kiến tạo Chỉ số Bi xã hội - Social Compassion Index (SCI) như một công cụ định lượng đạo lý, giúp đánh giá mức độ lan tỏa của lòng thương, sự cảm thông và hành vi giúp người yếu thế trong cộng đồng. Đây là bước thể chế hóa giá trị Bi thành công cụ chiến lược trong điều hành chính sách công, đặc biệt trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh và truyền thông.

2. Cấu trúc SCI: Từ cảm xúc đến hành vi và niềm tin xã hội

SCI không đơn thuần là chỉ số thống kê, mà là hệ chỉ báo liên ngành, gồm ba hợp phần chính:

SCI.1 - Cảm nhận từ bi cộng đồng: Dựa trên khảo sát xã hội học theo thang đo Likert, người dân đánh giá mức độ cảm nhận về sự thấu cảm, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng cư trú.

SCI.2 - Hành vi từ bi: Được ghi nhận thông qua tần suất và tính chất của các hành vi thiện nguyện, hỗ trợ người khó khăn, hành động cứu trợ có thể trích xuất từ dữ liệu hành chính, NGO hoặc nền tảng số.

SCI.3 - Niềm tin và kết nối xã hội: Phản ánh mức độ tin tưởng giữa các nhóm xã hội, sự sẵn sàng hợp tác và cảm giác được lắng nghe trong thiết chế công quyền, thể hiện chiều sâu đạo lý gắn kết.

3. Phương pháp đo lường và công nghệ hỗ trợ

Khảo sát định kỳ: Kết hợp giữa khảo sát định lượng và định tính, SCI có thể đo lường 6 tháng/lần hoặc hàng năm tại các địa phương, phân theo khu vực đô thị, nông thôn, dân tộc thiểu số.

Phân tích dữ liệu lớn (Big Data): Áp dụng phân tích ngôn ngữ cảm xúc từ mạng xã hội, diễn đàn công cộng và báo chí để đánh giá “nhiệt độ đạo lý” trong phản ứng cộng đồng trước các sự kiện xã hội.

Dữ liệu hành vi số hóa: Ghi nhận và xử lý các hoạt động từ thiện, cứu trợ, hỗ trợ người yếu thế qua các nền tảng như ví điện tử, ứng dụng thiện nguyện, cổng dịch vụ công... để xác định mức độ lan tỏa của hành vi Bi.

Hình minh họa đề xuất: Sơ đồ SCI dạng infographic với 3 hợp phần SCI.1-SCI.3 phân tầng theo chiều dọc hoặc dạng trục tam giác đạo lý, dễ tích hợp vào tài liệu truyền thông chính sách.

Để tăng tính trực quan và khả năng phổ biến chính sách, đề nghị thể hiện cấu trúc chỉ số SCI dưới dạng đồ họa học thuật. Có thể sử dụng **sơ đồ vòng tròn đồng tâm** hoặc **ma trận ba hợp phần**, thể hiện rõ ba trục nội dung chính:

IV.1 SCI.1 - Cảm nhận từ bi cộng đồng (Community Perception of Compassion): phản ánh cảm xúc và trải nghiệm chủ quan của người dân về mức độ cảm thông, sẻ chia trong cộng đồng.

IV.2 SCI.2 - Hành vi từ bi (Compassionate Actions): đo lường tần suất và quy mô các hành vi thiện nguyện, cứu trợ, hỗ trợ người yếu thế.

IV.3 SCI.3 - Niềm tin và kết nối xã hội (Social Trust): đánh giá mức độ tin cậy lẫn nhau giữa các nhóm xã hội, và mức độ cảm nhận được lắng nghe trong thiết chế công quyền.

Việc sử dụng **infographic khoa học (khoa học dữ liệu mềm)** sẽ giúp truyền đạt cấu trúc SCI một cách hiệu quả, dễ tiếp cận hơn với cả nhà quản lý, nhà nghiên cứu và cộng đồng.

4. Ứng dụng SCI trong chính sách văn hóa - xã hội

Phát hiện sớm vùng tổn thương đạo lý: SCI có thể như một "nhiệt kế xã hội mềm", cảnh báo nơi có dấu hiệu vô cảm hóa, mất kết nối hoặc gia tăng bạo lực, từ đó can thiệp chính sách nhân đạo kịp thời.

Định hướng phân bổ nguồn lực: Các vùng có chỉ số SCI thấp cần được ưu tiên trong phân bổ nguồn lực phúc lợi, truyền thông cộng đồng và chương trình phục hồi đạo lý.

Đánh giá hiệu quả chính sách mềm: SCI có thể trở thành công cụ đánh giá chất lượng triển khai các chính sách cảm xúc học, tư pháp phục hồi, giáo dục đạo đức, truyền thông nhân văn.

Tăng cường niềm tin thể chế: Khi SCI được công khai định kỳ và tích hợp vào báo cáo phát triển bền vững, nó góp phần nâng cao niềm tin xã hội và minh bạch hóa trách nhiệm đạo lý của chính quyền.

Kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy xu hướng lượng hóa các giá trị đạo lý mềm trong quản trị hiện đại là hoàn toàn khả thi:

Bhutan: Chỉ số Hạnh phúc Quốc gia (GNH) bao gồm yếu tố cảm xúc, tâm linh và hạnh phúc cộng đồng.

Scotland: Đã lập 'Bộ Cô Đơn' (Ministry of Loneliness), tích hợp chỉ số Kết nối xã hội vào chiến lược phát triển.

OECD: Trong báo cáo 'How's Life?' (2023), OECD nhấn mạnh chỉ số 'Trust in others' và 'Social cohesion' như nền tảng ổn định xã hội.

Liên Hợp Quốc: Các mục tiêu phát triển bền vững (SDG) có chỉ số 16.6.2 về 'niềm tin vào thể chế công cộng'.

Hợp phần	Nội dung đo lường	Nguồn dữ liệu
SCI.1 - Cảm nhận từ bi cộng đồng	Mức độ cảm nhận thấu cảm, giúp đỡ trong cộng đồng	Khảo sát xã hội học (Likert)
SCI.2 - Hành vi từ bi	Tần suất hành vi thiện nguyện, cứu trợ	Dữ liệu hành chính, NGO, nền tảng số
SCI.3 - Niềm tin xã hội	Mức độ tin tưởng, kết nối, được lắng nghe	Khảo sát định kỳ, dữ liệu hành vi số

Bảng tóm tắt cấu trúc Chỉ số Bi xã hội (SCI)



Hình minh họa tạo bởi AI

V. TỪ BI ĐẾN CHÍNH TRỊ CẢM THÔNG: CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN THỂ CHẾ MỀM CỦA VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

1. Tái định nghĩa chính trị từ góc nhìn từ bi

Chính trị thường bị hiểu là lĩnh vực thuần lý trí, nơi quyền lực, chiến lược và lợi ích chi phối hành vi. Tuy nhiên, trong thời đại khủng hoảng lòng tin và phân hóa xã hội sâu sắc, một hình thái chính trị mới đang trỗi dậy: chính trị cảm thông, nơi đạo lý được phục vị, lòng người được đặt lại trung tâm của quyết sách.

Từ Bi, với nội hàm thương xót, bảo hộ và hóa giải đau khổ, không chỉ là đạo lý tôn giáo mà có thể trở thành chất liệu chiến lược trong xây dựng thể chế mềm. Đó là thể chế không chỉ trị bằng luật, mà còn trị bằng lòng. Không chỉ điều hành bằng mệnh lệnh, mà còn cảm hóa bằng niềm tin, sự lắng nghe và hành xử nhân đạo.

2. Chính trị cảm thông trong thực tiễn toàn cầu

Nhiều quốc gia đã và đang áp dụng nguyên lý từ bi trong kiến tạo chính sách:

Bhutan: Với Chỉ số Hạnh phúc Quốc gia (GNH), đất nước này đề cao cảm xúc, thiện tâm và cân bằng tâm lý như mục tiêu phát triển.

New Zealand: Thủ tướng Jacinda Ardern từng phát biểu: “Người dân không chỉ cần kinh tế tăng trưởng, họ cần một chính phủ quan tâm”. Nước này đã tích hợp ngân sách vì sức khỏe tinh thần và lòng trắc ẩn.

Scotland: Thành lập Bộ Cô Đơn (Ministry of Loneliness) để giảm thiểu sự cô lập và tăng cường kết nối xã hội, thể hiện chính trị cảm thông rõ nét.

Những ví dụ này chứng minh rằng: Bi có thể trở thành động lực tái cấu trúc thể chế, khi được thể hiện bằng số liệu, chính sách và hành động thực tế.

3. Gợi mở cho Việt Nam: Thể chế mềm hóa từ Tâm - Bi

Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để từ bi hóa chính sách và thể chế:

Tích hợp đạo lý Bi trong chương trình giáo dục công dân, đào tạo cán bộ và quy tắc ứng xử công vụ.

Xây dựng các “chỉ số mềm” như SCI, chỉ số tín nhiệm cộng đồng, chỉ số cảm xúc xã hội... bên cạnh các chỉ số cứng như GDP.

Thiết lập mô hình “chính quyền cảm thông”, trong đó công chức không chỉ phục vụ đúng quy trình, mà còn thấu cảm, sẻ chia và đối thoại với người dân bằng tình người.

Ưu tiên văn hóa nhân đạo trong truyền thông chính sách, tránh ngôn ngữ lạnh lùng, hành xử máy móc, thay vào đó là cách diễn đạt gần gũi, biết xin lỗi và biết cảm ơn.

Từ Bi không phải khẩu hiệu đạo đức, mà là năng lực cấu trúc lại thể chế theo hướng nhân bản, đồng thuận và bền vững hơn. Con đường đi tới một Việt Nam phát triển không chỉ cần cứng rắn, mà còn cần mềm sâu, tử tế và chan chứa từ tâm.

VI. KẾT LUẬN: TỪ BI NHƯ MỘT NĂNG LƯỢNG CHÍNH TRỊ - ĐẠO ĐỨC - XÃ HỘI TÁI THIẾT QUỐC GIA THỜI

HẬU KHỦNG HOẢNG

Trong thế giới hậu khủng hoảng, nơi những rạn nứt đạo lý, sự cạn kiệt niềm tin và gia tăng tổn thương tinh thần đang đe dọa nền móng phát triển bền vững, Từ Bi không còn là một lời khuyên đạo đức, mà trở thành một năng lượng chính trị - đạo đức - xã hội sống còn. Đó là thứ năng lượng mềm nhưng bền vững, ẩn sâu trong tiềm thức văn hóa và tâm thức cộng đồng, đủ sức phục hồi niềm tin xã hội và nền móng đạo lý.

Từ Bi trong bài viết này đã được giải nghĩa không chỉ là cảm xúc luân lý, mà là một năng lực kiến tạo thể chế mềm, một nguồn lực đạo đức liên ngành, có thể chuyển hóa thành chính sách, chỉ số, mô hình điều hành và cấu trúc văn hóa công. Từ các chương mục đã triển khai, có thể khẳng định:

Từ Bi là gốc rễ triết lý cho chính trị cảm thông, mở đường cho thể chế hóa sự lắng nghe, đối thoại, và chăm sóc con người bằng lòng trắc ẩn.

Từ Bi là nguồn tài nguyên đạo lý cho phát triển bền vững, nhất là trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, công vụ, truyền thông và quan hệ cộng đồng.

Từ Bi là nền tảng tái cấu trúc chính sách văn hóa, xã hội hậu COVID-19, nơi chỉ số SCI có thể trở thành công cụ đo lường và định hướng hành động.

Từ Bi là nội lực Việt, hòa quyện giữa truyền thống hiếu hòa, nghĩa tình của dân tộc và tinh thần từ ái, vị tha của Phật giáo, đủ sức trở thành một "chiến lược mềm quốc dân".

Trong tiến trình phát triển quốc gia hậu khủng hoảng, sự phục hồi không thể chỉ dựa vào tăng trưởng kinh tế hay công nghệ thông minh, mà còn phải đặt nền móng trên hạ tầng đạo lý mềm, nơi lòng người được chăm sóc, tinh thần được chữa lành và cộng đồng được nối kết bởi ánh sáng Từ Bi.

Chính vì vậy, hành trình từ cá nhân thiện nguyện đến chính trị cảm thông, từ chỉ số SCI đến chính quyền cảm hóa, không phải là một giấc mơ lý tưởng, mà là một tầm nhìn khả thi, cần thiết, cấp bách cho Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển người toàn diện và xã hội nhân bản.

Kiến nghị chính sách: Cần đưa chỉ số từ bi xã hội (SCI) vào hệ thống chỉ tiêu phụ trợ trong Báo cáo phát triển bền vững cấp quốc gia giai đoạn 2026-2030, như một công cụ đo lường đạo lý công cộng và niềm tin thể chế.

Tác giả: *Thạc sĩ Nguyễn Hoàng Hành*

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Analayo. (2010). *Compassion in Early Buddhism*. Journal of Buddhist Ethics, 17, 1-28.
- [2]. Fredrickson, B. L. (2009). *Positivity: Groundbreaking research reveals how to embrace the hidden strength of positive emotions*. Crown Publishing Group.
- [3]. Neff, K. D., & Germer, C. K. (2013). A pilot study and randomized controlled trial of the mindful self-compassion program. *Journal of Clinical Psychology*, 69(1), 28-44.
- [4]. Levinas, E. (1969). *Totality and Infinity: An Essay on Exteriority* (A. Lingis, Trans.). Duquesne University Press. (Original work published 1961)
- [5]. OECD. (2023). *How's Life? Measuring Well-being*. OECD Publishing. <https://www.oecd.org/statistics/how-s-life.htm>
- [6]. Edelman. (2024). *2024 Edelman Trust Barometer: Global Report*. Edelman. <https://www.edelman.com/trust-barometer>
- [7]. United Nations. (2024). *Sustainable Development Goal Indicators*. <https://unstats.un.org/sdgs/indicators>
- [8]. Narada Thera (Trans.). (1993). *The Dhammapada: Pāli text and translation*. Buddhist Publication Society.
- [9]. Bhutan GNH Centre. (2022). *Gross National Happiness Index Report*. <https://www.gnhcentrebhutan.org>
- [10]. Scottish Government. (2020). *A Connected Scotland: Tackling Social Isolation and Loneliness*. <https://www.gov.scot>